

Số: 27 /KH-THĐ

Đức An, ngày 10 tháng 9 năm 2025

KẾ HOẠCH

Phát triển đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý giai đoạn 2024-2030

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH:

Luật số 43/2019/QH14, ngày 14/6/2019 Quốc hội ban hành Luật Giáo dục;

Nghị định số 71/2020/NĐ-CP, ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở;

Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT, ngày 26/12/2018 của Bộ GDĐT ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;

Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT, ngày 4/9/2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường Tiểu học;

Thông tư số 27/2020/TT- BGDDĐT, ngày 04/9/2020 ban hành quy định đánh giá học sinh tiểu học;

Thông tư số: 20/2023/TT-BGDĐT ngày ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông và các trường chuyên biệt công lập;

Thông tư số 14/2018/TT-BGDĐT, ngày 20/7/2018 của Bộ GDĐT về Ban hành quy định chuẩn hiệu trưởng CSGDPT;

Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT, ngày 22/8/2018 của Bộ GDĐT về Ban hành Quy định chuẩn nghề nghiệp cơ sở GDPT;

Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT, ngày 23/6/2017 ban hành quy định về chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông;

Căn cứ tình hình đội ngũ CBQL, GV, NV hiện nay của nhà trường, trường tiểu học Trần Hưng Đạo xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ giai đoạn 2024-2030 như sau:

II. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Thực trạng số lượng, cơ cấu đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý của nhà trường năm học 2024-2025.

- Tổng số đội ngũ GV, NV, CBQL: 23 người
- Xếp hạng nhà trường: Hạng 2
- Số lượng lớp học: 13 lớp
- Số lượng học sinh: 465 học sinh
- Sĩ số học sinh/lớp: 35,8 học sinh/lớp

- Số lượng tổ/khối chuyên môn: 3 tổ khối
- Số lượng giáo viên đứng lớp: 18 người
- Tỷ lệ giáo viên/lớp: 1,2 GV/lớp
- Giáo viên Tổng phụ trách Đội: 01 người
- Số lượng nhân viên: 02 người
- Số lượng cán bộ quản lí: 02 người

TT	Đối tượng đánh giá	Số lượng	Giới tính		Độ tuổi				Trình độ đào tạo			Ghi chú	
			Nam	Nữ	Dưới 25	Từ 25 đến dưới 35	Từ 35 đến dưới 45	Trên 45	Cao đẳng	Đại học	Sau đại học		
Cán bộ quản lý													
1	Hiệu trưởng	1		1			1			1			
2	Phó hiệu trưởng	1		1			1			1			
Giáo viên													
3	Giáo viên dạy môn cơ bản và hoạt động giáo dục (Hoạt động trải nghiệm)		15	6	9	0	6	6	3	2	10		
4	Ngoại ngữ 1		1	0	1	0	0	1	0	0	1	0	
5	Tin học và Công nghệ		01	0	01	0	0	01	0	0	01	0	
6	Giáo dục thể chất		1	0	1	0	1	0	0	0	1	0	
7	Nghệ thuật	Âm nhạc	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
		Mỹ thuật	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
8	Tiếng dân tộc thiểu số												
9	Công tác Đoàn/Đội		1		1		1	0			1		
Nhân viên													
10	Thư viện, thiết		0										

	bị											
11	Công nghệ thông tin	0										
12	Kế toán	1	1	0				1		1		
13	Thủ quỹ											
14	Văn thư	0		0	0	0						
15	Y tế	1	1				1		TC			
16	Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0										
17	Giáo vụ	0										

Nhận xét:

Căn cứ Thông tư số: 20/2023/TT-BGDĐT ngày ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông và các trường chuyên biệt công lập.

Các môn học đảm bảo số lượng, cơ cấu, trình độ của đội ngũ. Vì định mức một giáo viên dạy 23 tiết/tuần, trong khi GV chuyên ngành dạy thiếu cơ số tiết nên được bố trí dạy thêm hoạt động trải nghiệm; số lượng giáo viên đứng lớp còn thiếu cho chương trình hai buổi (1,38 GV/lớp), điều này gây khó khăn cho công tác sắp xếp phân công chuyên môn.

Môn Ngoại ngữ 1 chưa đảm bảo số lượng để thực hiện chương trình giáo dục, vì toàn trường có 7 lớp (khối 3-5) tương ứng với 28 tiết, giáo viên dạy vượt định mức 5 tiết/tuần, đặc thù bộ môn không thể phân công cho các giáo viên khác giảng dạy, nhà trường huy động phụ huynh hỗ trợ xã hội hóa để học sinh được học 4 tiết/tuần.

Về số lượng đội ngũ đảm bảo theo hạng trường và theo Thông tư Thông tư số: 20/2023/TT-BGDĐT ngày ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông và các trường chuyên biệt công lập.

Về cơ cấu tuổi: có sự cân đối giữa các độ tuổi đảm bảo sự hài hòa về quan hệ xã hội, có tính ổn định, bền vững, kế thừa và phát triển. Người trẻ và người lớn tuổi luôn hỗ trợ nhau nhịp nhàng, đoàn kết trong công việc. Song, cơ cấu về giới còn chưa hài hòa, tỉ lệ nữ giới 22/23 chiếm 95,45%

Về trình độ đào tạo: 100% giáo viên đạt trình độ đại học. Còn một số GV năng lực nghề còn chưa tương xứng với trình độ nghề nghiệp, việc nắm bắt, đổi mới các nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và dạy học còn hạn chế.

2. Thực trạng chất lượng đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý

Bảng 2.4. Đánh giá thực trạng GV, NV, CBQL đáp ứng vị trí việc làm

Tiêu chí	Mức độ đáp ứng vị trí việc làm	Số lượng	Tỷ lệ %	Điểm mạnh/người có thể hỗ trợ đồng nghiệp	Điểm yếu/người cần hỗ trợ
Đối với giáo viên					
Xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh	<i>Chưa đáp ứng</i>	0	0	18/18GV có khả năng tư vấn cho đồng nghiệp XD KH	Nhiều GV đã xây dựng KHDH song chưa bám sát thực tế đối tượng học sinh. Số GV cần cần hỗ trợ để thực hiện tốt là 1/18
	<i>Đáp ứng</i>	10	55,5		
	<i>Đáp ứng tốt</i>	8	44,5		
Sử dụng hình thức, phương pháp dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh	<i>Chưa đáp ứng</i>	0	0	- Giáo viên về cơ bản đã biết lựa chọn những thành tố tích cực của các phương pháp và hình thức dạy học khác nhau để sử dụng đổi mới dạy học thường xuyên. - Số GV có thể hỗ trợ đồng nghiệp: 17/18	- GV chưa chủ động và còn máy móc trong áp dụng các PPDH, cần hỗ trợ để thực hiện tốt: 1/18
	<i>Đáp ứng</i>	10	55,5		
	<i>Đáp ứng tốt</i>	8	44,5		
Kiểm tra, đánh giá học sinh theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh	<i>Chưa đáp ứng</i>	0	0	- Việc KTĐG đã hướng đến việc vận dụng các nội dung đã học vào cuộc sống. - Số GV có thể hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp trong KT, ĐG 18/18	- Một số giáo viên đánh giá học sinh còn chung chung chưa hướng đến sự tiến bộ của các em. Số GV cần hỗ trợ để thực hiện tốt: 0/18
	<i>Đáp ứng</i>	10	55,5		
	<i>Đáp ứng tốt</i>	8	44,5		
Tư vấn và hỗ	<i>Chưa đáp</i>	0	0	- Có khả năng tư	- Một số GV

trợ học sinh trong dạy học và giáo dục	<i>ứng</i>			vấn hỗ trợ học sinh trong học tập và giáo dục . - Số GV có thể hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp: 18/18	chưa có khả năng tìm hiểu, khắc phục những khó khăn của HS trong học tập. - Số GV cần hỗ trợ để thực hiện tốt: 01/18
	<i>Đáp ứng</i>	9	50		
	<i>Đáp ứng tốt</i>	9	50		
Phối hợp giữa nhà trường, gia đình, xã hội để thực hiện hoạt động dạy học, giáo dục cho học sinh	<i>Chưa đáp ứng</i>	0	0	GV chủ động phối hợp với các bên liên quan (Gia đình HS, các đoàn thể,...) trong dạy học, tổ chức các hoạt động giáo dục học sinh, hoạt động trải nghiệm, có cách thức phù hợp. Số GV có thể hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp: 18/18	
	<i>Đáp ứng</i>	9	50		
	<i>Đáp ứng tốt</i>	9	50		
Sử dụng ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc, ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác và sử dụng thiết bị công nghệ trong dạy học, giáo dục	<i>Chưa đáp ứng</i>	0	0	Khả năng sử dụng Tiếng Anh của GV dạy Tiếng Anh tốt. GV biết ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, đáp ứng yêu cầu cơ bản cập nhật và sử dụng hiệu quả các phần mềm; khai thác và sử dụng thiết bị công nghệ trong hoạt động dạy học, giáo dục.	- Việc khai thác, sử dụng học liệu số, thiết bị công nghệ. Số GV cần được bồi dưỡng thêm để nâng cao khả năng - Ngoại ngữ: 17/18
	<i>Đáp ứng</i>	12	66,6		
	<i>Đáp ứng tốt</i>	6	33,4		

				Số GV có thể hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp: 17/18	
Xây dựng môi trường giáo dục và cộng đồng học tập chuyên môn.	Chưa đáp ứng	0	0	Cơ bản GV đã chủ động đề xuất biện pháp thực hiện hiệu quả nội quy, quy tắc trong xây dựng môi trường giáo dục và cộng đồng học tập chuyên môn. Liên hệ tốt với CMHS qua các kênh thông tin. Khả năng tự học tốt Số GV có thể hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp: 18/18	
	Đáp ứng				
	Đáp ứng tốt	18	100		
Đối với cán bộ quản lí					
Năng lực đổi mới, sáng tạo, thích ứng trong lãnh đạo, quản trị nhà trường	Chưa đáp ứng	0	0	- Khả năng xây dựng kế hoạch, xác định tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi của nhà trường thực hiện tốt. - Tuổi đời trẻ, có sự đổi mới, sáng tạo trong công việc. - Số CBQL có thể hỗ trợ CB quản lý: 2/2	- Đôi khi còn lúng túng trong công tác phân công vị trí việc làm cho giáo viên do còn thiếu biên chế.
	Đáp ứng				
	Đáp ứng tốt	2	100		
Quản trị các nguồn lực	Chưa đáp ứng	0	0	Đã huy động nguồn nhân lực	

trong nhà trường	<i>Đáp ứng</i>	2	100	trong hoạt động chuyên môn. - Số CBQL có thể hỗ trợ CB quản lý: 2/2	
	<i>Đáp ứng tốt</i>	0	0		
Quản trị hoạt động dạy học, giáo dục học sinh theo hướng tiếp cận năng lực	<i>Chưa đáp ứng</i>	0	0	Đã có kế hoạch giáo dục chỉ đạo HĐDH theo hướng PTNL HS. - Số CBQL có thể hỗ trợ CB quản lý: 2/2	- Số CBQL cần hỗ trợ: 0
	<i>Đáp ứng</i>				
	<i>Đáp ứng tốt</i>	2	100		
Quản trị chất lượng giáo dục	<i>Chưa đáp ứng</i>	0	0	Đã thực hiện theo quy định quy chế chuyên môn, Thông tư ĐGHS, chuẩn HT. - Số CBQL có thể hỗ trợ CB quản lý: 2/2	
	<i>Đáp ứng</i>				
	<i>Đáp ứng tốt</i>	2	100		
Phối hợp giữa nhà trường, gia đình, xã hội để thực hiện hoạt động dạy học và giáo dục cho HS, huy động và sử dụng nguồn lực để phát triển nhà trường	<i>Chưa đáp ứng</i>	0	0	CBQL đã xây dựng KH phối hợp NT-GĐ-XH trong thực hiện các HĐDH, được sự đồng thuận và nhất trí của CMHS. - Số CBQL có thể hỗ trợ CB quản lý: 2/2	Một số nội dung triển khai nhưng chưa đạt được sự triệt để của CMHS do điều kiện đặc thù phụ huynh.
	<i>Đáp ứng</i>				
	<i>Đáp ứng tốt</i>	2	100		
Sử dụng ngoại ngữ và Ứng dụng công nghệ thông tin	<i>Chưa đáp ứng</i>	0	0	Có năng lực hỗ trợ, tư vấn cho GV trong HĐDH; vận dụng NN, CNTT	CBQL còn ngại học Ngoại ngữ; - Số CBQL cần hỗ trợ: 2/2
	<i>Đáp ứng</i>	2	100		
	<i>Đáp ứng tốt</i>				

trong quản lý và lãnh đạo				vào dạy học tốt. - Số CBQL có thể hỗ trợ CB quản lý: 2/2	
Đối với nhân viên					
Lập kế hoạch công việc chuyên môn phù hợp với kế hoạch giáo dục nhà trường	<i>Chưa đáp ứng</i>	0	0	Có khả năng lập KH công việc chuyên môn theo KHGD nhà trường. Số nhân viên có thể hỗ trợ: 2/2	Nhân viên phải kiêm nhiệm nhiều nhiệm vụ nên hiệu quả công việc nhiều lúc chưa kịp thời. Số nhân viên cần hỗ trợ: 2/2
	<i>Đáp ứng</i>	2	100		
	<i>Đáp ứng tốt</i>	0	0		
Thực hiện các công việc chuyên môn (sử dụng, bảo quản, sửa chữa thiết bị...) theo kế hoạch giáo dục nhà trường	<i>Chưa đáp ứng</i>	0	0	Thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn theo KHGD nhà trường. Số nhân có thể hỗ trợ: 2/2	01 nhân viên việc thực hiện công việc còn chậm, chưa linh hoạt, sáng tạo. Số nhân viên cần hỗ trợ: 2/2
	<i>Đáp ứng</i>	2	100		
	<i>Đáp ứng tốt</i>	0	0		
Năng lực phối hợp với giáo viên, học sinh, nhân viên khác trong thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường	<i>Chưa đáp ứng</i>	0	0	Là đơn bầy thúc đẩy nhà trường trong thực hiện các nhiệm vụ KHGD nhà trường. Số nhân có thể hỗ trợ: 2/2	Nội dung, biện pháp phối hợp thực hiện nhiệm vụ. Số nhân viên cần hỗ trợ: 2/2
	<i>Đáp ứng</i>				
	<i>Đáp ứng tốt</i>	2	100		

3. Đánh giá chung thực trạng đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm

3.1. Điểm mạnh

- Về đội ngũ giáo viên

+ Giáo viên năng động nhiệt tình, có 18/18 đồng chí luôn nỗ lực, tích cực nhiệt tình trong công tác, luôn tìm tòi học hỏi chuyên môn nghiệp vụ, biết ứng

dụng công nghệ thông tin trong dạy học.

- + Tỷ lệ giáo viên đạt giáo viên dạy giỏi cấp huyện trở lên là 7/18 tỉ lệ 39%.

- + Giáo viên được xếp loại theo chuẩn nghề nghiệp năm học 2023-2024 là: Khá trở lên đạt 100% .

- + Giáo viên được xếp loại viên chức năm học 2023-2024: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 4 GV; Hoàn thành tốt nhiệm vụ: 14 GV. Đạt 100% viên chức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

- + 100% (18/18) GV được tập huấn bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ.

- Về đội ngũ nhân viên

- + 02 nhân viên đều nhiệt tình, thành thạo ứng dụng công nghệ thông tin có ý thức tốt trong thực hiện nhiệm vụ. Trình độ đào tạo trung cấp và Đại học, luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao;

- + Nhân viên được xếp loại viên chức năm học 2024-2025 đều ở mức Hoàn thành tốt nhiệm vụ.

- Về CBQL

- + Trường có đủ CBQL, cả 2 đồng chí cán bộ quản lý có năng lực chuyên môn tốt, có năng lực quản lý đáp ứng yêu cầu đổi mới của giáo dục.

- + 2 CBQL có trình độ đại học sư phạm.

- + Xếp loại Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng theo chuẩn Hiệu trưởng năm 2023-2024 đạt loại Tốt.

- + CBQL có khả năng hỗ trợ nhà trường, GV trong công tác xây dựng kế hoạch và tư vấn, hỗ trợ đồng nghiệp trong công tác quản lý, chỉ đạo hoạt động dạy học.

3.2. Điểm yếu

- Về đội ngũ giáo viên

- + Còn 01 giáo viên còn hạn chế trong ứng dụng công nghệ thông tin, chậm đổi mới phương pháp dạy học.

- + Số lượng giáo viên tiếng Anh còn thiếu nên khó triển khai dạy học tiếng Anh đối với lớp 1, lớp 2 và chương trình 4 tiết/tuần đối với các lớp 3,4,5.

- Về đội ngũ nhân viên

- + Số lượng nhân viên chính thức 02 người, còn thiếu nhân viên văn thư, thư viện.

3.3. Cơ hội

- + Chương trình giáo dục thời đại 4.0 trao nhiều quyền tự chủ cho các nhà trường. Các CBQL, GV, NV có nhiều cơ hội phát huy năng lực phẩm chất, sức sáng tạo của mình trong thực hiện nhiệm vụ. Hệ thống công nghệ thông tin phát triển mạnh tạo cơ hội cho các CBGVNV học hỏi, giao lưu, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, dạy học.

- + Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, địa phương luôn quan tâm có nhiều ưu

đãi, tạo điều kiện về cơ sở vật chất trường học, thiết bị dạy học cho nhà trường.

+ Đội ngũ CBGVNV của trường luôn đoàn kết, đồng thuận nhiệt tình tâm huyết với mục tiêu phát triển nhà trường ngày càng vững mạnh.

+ Trong 5 năm tới, nhà trường chỉ có 01 giáo viên về hưu nên chưa có sự biến động nhiều về đội ngũ.

3.4. Thách thức:

+ Chương trình giáo dục ngày mỗi đặt ra những yêu cầu thách thức về sự đổi mới cần nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, công tác quản lý, trình độ ngoại ngữ, công nghệ thông tin.

+ Yêu cầu của xã hội và của phụ huynh học sinh về chất lượng giáo dục đòi hỏi ngày càng cao.

+ Mặt trái của xã hội và những thông tin trái chiều của mạng xã hội phần nào tác động vào tư tưởng của đội ngũ.

4. Các vấn đề về phát triển đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý cần tập trung giải quyết trong giai đoạn 2024-2030

4.1. Nâng cao trình độ đào tạo giáo viên theo chuẩn để đảm bảo chuẩn theo Luật giáo dục 2019.

4.2. Cơ cấu giáo viên dạy môn cơ bản và giáo viên dạy môn chuyên biệt.

4.3. Năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông 2018: Phương pháp dạy học, kỹ thuật dạy học, phương pháp đánh giá, giáo dục học sinh theo phát triển năng lực, phẩm chất học sinh; sự chủ động, tích cực, sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ.

4.4. Năng lực ngoại ngữ, ứng dụng công nghệ thông tin của đội ngũ vào các hoạt động dạy học trong nhà trường

III. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

1. Xác định số lượng, cơ cấu của đội ngũ GV, NV, CBQL cần bổ sung

Số lượng Đội ngũ	Hiện có	Yêu cầu của CTGDP T 2018	Số lượng cần có từng năm học				
			Năm học 2025-2026	Năm học 2026-2027	Năm học 2027-2028	Năm học 2028-2029	Năm học 2029-2030
Cán bộ quản lý	2	2	2	2	2	2	2
Giáo viên	18	21	21	21	21	21	21
<i>Giáo viên tổng hợp</i>	<i>15</i>	<i>14</i>	<i>14</i>	<i>14</i>	<i>14</i>	<i>14</i>	<i>14</i>
<i>Giáo viên chuyên biệt</i>	<i>3</i>	<i>7</i>	<i>7</i>	<i>7</i>	<i>7</i>	<i>7</i>	<i>7</i>
Ngoại ngữ 1	1	2	2	2	2	2	2
Tin học và Công nghệ	0	1	1	1	1	1	1
Giáo dục thể chất	1	2	2	2	2	2	2
Nghệ thuật	1	2	2	2	2	2	2

Tiếng Dân tộc	0	0	0	0	0	0	0
Công tác Đoàn/Đội	1	1	1	1	1	1	1
Nhân viên	2	3	3	3	3	3	3
Tổng	23	27	27	27	27	27	27

2. Mục tiêu chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên giai đoạn 2024-2030, đáp ứng Chương trình GD phổ thông 2018 cấp tiểu học

2.1. Mục tiêu về chất lượng của đội ngũ GV

- Số lượng, tỷ lệ GV phân đầu đến 2030: 01 đ/c CBQL có trình độ trên chuẩn, tỉ lệ 30%.

- Kết quả đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên mức khá trở lên: đạt 100%.

- **Kết quả đánh giá viên chức: Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên: 100%**

- Mục tiêu năng lực GV đáp ứng yêu cầu CTGDPT 2018

+ GV đáp ứng tốt chương trình: 100%

+ Số lượng GV có thể hỗ trợ đồng nghiệp thực hiện triển khai CTGDPT 2018: 100%.

+ 50% GV tham gia viết SKKN về việc công tác chuyên môn.

+ 100% GV hoàn thành chương trình BDTX theo thông tư 17/2019 TT-BGDDT.

+ 100% GV hoàn thành chương trình BDTX do trường tổ chức.

+100% GV hoàn thành chương trình bồi dưỡng do cấp trên tổ chức.

2.2. Mục tiêu về chất lượng đội ngũ nhân viên

- Số lượng nhân viên đạt chuẩn và trên chuẩn 2/2 tỉ lệ: 100 %.

- Kết quả đánh giá viên chức: Hoàn thành Tốt trở lên: 2/2 Tỉ lệ:100%

2.3. Mục tiêu về chất lượng của đội ngũ CBQL

- Số lượng CBQL đạt chuẩn 100%.

- Số lượng CBQL được đánh giá theo chuẩn chuẩn nghề nghiệp đạt mức tốt: 2/2, tỉ lệ 100%;

- Kết quả đánh giá viên chức QL: Hoàn thành tốt trở lên: 2/2, tỉ lệ: 100%.

- Mục tiêu năng lực CBQL đáp ứng yêu cầu CTGDPT 2018:

+ CBQL đáp ứng tốt chương trình: 2/2, tỉ lệ: 100%

+ Số lượng CBQL có thể hỗ trợ đồng nghiệp thực hiện công tác chuyên môn: 2/2.

+ 02 CBQL tham gia viết SKKN áp dụng vào giảng dạy chương trình GDPT cấp tiểu học.

+ 100% CBQL hoàn thành chương trình BDTX theo thông tư 18/2019/TT-BGDĐT.

+ 100% CBQL hoàn thành chương trình bồi dưỡng do cấp trên tổ chức.

IV. GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN

1. Nhóm giải pháp phát triển số lượng, cơ cấu đội ngũ GV, NV, CBQL:

- Tham mưu với cơ quan quản lý có thẩm quyền bổ sung biên chế giáo viên Tiếng Anh và giáo viên môn cơ bản theo yêu cầu.

2. Nhóm giải pháp phân công sử dụng GV, NV, CBQL:

- Thực hiện Phân công chuyên môn cho GV đáp ứng yêu cầu Chương trình GDPT 2018. Căn cứ vào năng lực chuyên môn của giáo viên để phân công dạy học đủ số tiết từng môn theo lớp trong chương trình học. Cụ thể:

+ Phân công một số GVTH dạy các môn Giáo dục Thể chất.

+ Thực hiện hợp đồng giáo viên hợp đồng giảng dạy giáo viên tiếng Anh để xã hội hóa môn tiếng Anh lớp 1, lớp 2

- Phân công các GV tham gia triển khai hoạt động giáo dục phù hợp với năng lực của mỗi cá nhân. (GVCN, Tổng phụ trách Đội, GV Nghệ thuật; GDTC)

3. Nhóm giải pháp đào tạo, bồi dưỡng

- Triển khai hoạt động bồi dưỡng phát triển năng lực nghề nghiệp cho GV, NV, CBQL đáp ứng yêu cầu triển khai CTGDPT 2018 trên cơ sở khảo sát nhu cầu, yêu cầu thực tiễn;

- Tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo Nghiên cứu bài học để bồi dưỡng năng lực cho giáo viên.

T T	Nội dung/ hoạt động BD	Thời gian	Địa điểm	Người phụ trách/ tham gia	Kết quả cần đạt	Các h thực hiện	Ghi chú
1	Sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học	T 9-10	Trường	CBQLCC / CBGV trong trường	GV xây dựng kế hoạch bài dạy phù hợp với đối tượng HS.	Thực hiện tập trung	
2	Tổ chức chuyên đề cấp trường và cấp cụm nhằm nâng cao trình độ chuyên môn và bồi dưỡng kỹ 17 năng nghề nghiệp phù hợp với phương tiện hiện	T 12, 1, 4	Cụm trường thuộc huyện	CBQLCC / GVCC/CBGV các trường trong cụm	Phân công CBQL/GV chuẩn bị nội dung theo	Thực hiện tập trung	

	đại cho GV, NV, CBQL.						
3	Cử GV, NV, CBQL đi học theo chỉ tiêu của cấp trên;	Trong năm	Các trường bồi dưỡng	GV trong danh sách	Đạt chuẩn theo yêu cầu	Vừa làm, vừa học	
4	Xây dựng cộng đồng học tập trong nhà trường tạo môi trường phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên	Trong năm	Trong trường	CBQLCC / CBGV trong trường	GV xây dựng kế hoạch bài dạy phù hợp với đối tượng HS.	Thực hiện tập trung	

4. Nhóm giải pháp kiểm tra, đánh giá kết quả làm việc của GV, NV, CBQL:

- Kiểm tra đánh giá chất lượng đội ngũ GV, NV, CBQL đảm bảo khách quan, công bằng, làm cơ sở thực hiện hiệu quả công tác thi đua khen thưởng, động viên khích lệ CBGVNV làm việc.

VI. TỔ CHỨC GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN

1. Phân công trách nhiệm thực hiện

- Hiệu trưởng: Xây dựng kế hoạch, xác định rõ mục đích, nội dung và triển khai thực hiện, kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện của cán bộ GV và nhân viên;

- Phó hiệu trưởng: Phối hợp cùng hiệu trưởng xây dựng công cụ đo lường, tiến hành thu thập và xử lý thông tin, định kì báo cáo kết quả;

- Tổ trưởng chuyên môn: Hằng năm đưa nội dung bồi dưỡng phát triển đội ngũ giáo viên, nhân viên vào kế hoạch của tổ mình;

- Các lực lượng tham gia: củng cố nề nếp các sinh hoạt chuyên môn, nâng cao chất lượng hội thảo, thao giảng và triển khai ứng dụng vào thực tiễn giảng dạy.

2. Quá trình đến năm 2030

- 100% CBGV nhân viên được bồi dưỡng tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ.

- Tham mưu bổ sung đủ số lượng giáo viên tiểu học và giáo viên chuyên ngành, đảm bảo điều kiện thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018.

3. Tiêu chí đánh giá:

- Số lượng, cơ cấu đội ngũ GV, NV, CBQL trong nhà trường đáp ứng được Chương trình Giáo dục phổ thông 2018;

- Chất lượng đội ngũ GV, NV, CBQL trong nhà trường đáp ứng được Chương trình Giáo dục phổ thông 2018;

- Các giải pháp và hoạt động phát triển đội ngũ GV, NV, CBQL trong nhà trường.

4. Chế độ thông tin, báo cáo: Báo cáo định kỳ vào cuối học kỳ 1 và cuối năm học; báo cáo sơ kết, tổng kết.

Trên đây là kế hoạch phát triển đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý giai đoạn 2024-2030 của trường Tiểu học Trần Hưng Đạo, đề nghị toàn thể đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý nhà trường nghiêm túc thực hiện. Trong quá trình thực hiện, có thể đề xuất với Ban giám hiệu để điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Phòng Giáo dục và Đào tạo (b/c);
- CBQL (c/đ);
- GV, NV (t/h);
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Hoàng Thị Thanh Huyền

